TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2026/DS-ST
Ngày: 02 - 4 - 2026
V/v:"tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán - chủ tọa phiên toà:*Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

2. Bà Bùi Thị Thu Hương

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Mai – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử án Dân sự Toà án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2026/QĐST-DS ngày 09/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Công ty cổ phần MBN J (J). Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Central Point, số 219 phố Trung K, phường Yên H, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Tổng Giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M – Giám đốc trung tâm xử lý nợ; đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị H – Chuyên viên xử lý nợ, địa chỉ: Tầng 2 V, số 59 Tố H, phường Đồng H, Quảng Trị. Bà Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa.

2. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (V). Địa chỉ: Tòa V Tower, số 89 Láng H, phường Đống Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị; đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G – Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý tích hợp 2 - Khối thu hồi và xử lý nợ; đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hoàng Vũ L Chuyên viên xử lý nợ, địa chỉ: Tầng 2 V, số 59 Tố H, phường Đồng H, Quảng Trị. Ông Hoàng Vũ L có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Lưu Hoàng A, sinh năm 1995. Địa chỉ: TDP 7, phường Đồng T, tỉnh Quảng Trị. Ông Lưu Hoàng A vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Trang S, sinh năm 1975 và ông Trần Đình D, sinh năm 1971; địa chỉ: TDP 4, phường Đồng T, tỉnh Quảng Trị. Bà Nguyễn Thị Trang S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Trần Đình D vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Đồng Nguyên đơn, Công ty cổ phần MBN J (J) và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (V) trong đơn khởi kiện, trong các văn bản tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Ngày 28 tháng 07 năm 2025 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (V) và Công ty Cổ Phần MBN J đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ **33/2025/VPB-J** 28 tháng 07 năm 2025 và Phụ lục đính kèm.

Trong đó Hợp đồng mua bán nợ Số **33/2025/VPB-J** mua một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo **Hợp đồng cho vay hạn mức số 10279646 ngày 26/09/2024;** Theo đó, V đồng ý bán và J đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Lưu Hoàng A, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Lưu Hoàng A đã ký kết với V, cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay hạn mức số 10279646 ngày 26/09/2024;

Số tiền cho vay: 1,343,575,375 đồng (Bằng chữ: Một tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng); Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh buôn bán cây cảnh. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng tính từ ngày các bên ký Hợp đồng này. Trong thời hạn này, Bên vay có thể vay vốn, trả nợ nhiều lần, nhưng dư nơ tại mọi thời điểm không được vượt quá Hạn mức cho vay nêu tại Khoản 1 Điều này. Mỗi lần vay vốn, Các Bên sẽ ký kết một Khế ước nhận nợ để ghi nhận thông tin chi tiết về khoản vay từng lần mà Bên ngân hàng cấp cho Bên vay. Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức: Thời hạn cho vay của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá 12 tháng, thời hạn cụ thể sẽ được quy định trong khế ước nhận nợ và/ hoặc các văn bản liên quan tại mỗi lần bên vay nhận nợ vốn vay.

Lãi suất trong hạn:

+ Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.19%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 3 tháng kể từ ngày giải ngân ("Thời gian cố định"). Hết Thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau Thời gian cố định, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên. Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được Bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.vpbank.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.7%/năm

- Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 256, tờ bản đồ số 133, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 4, Phường Bắc L, Thành Phố Đồng H, Tỉnh Quảng Bình ; Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ197296, Số vào số cấp GCN: CS15164 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/02/2022 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lưu Hoàng A**.** Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Lưu Hoàng A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên nên các khoản vay đã chuyển quá hạn từ ngày **05/04/2025.** V và Công ty J đã nhiều lần gọi điện, gửi thông báo đôn đốc nhưng ông Lưu Hoàng A vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng quyết định khởi kiện ông Lưu Hoàng A ra Tòa án để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Lưu Hoàng A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn, tạm tính đến ngày 02/04/2026, ông Lưu Hoàng A còn nợ số tiền là: Chia theo tỷ lệ 95-5:

Số Hợp đồng	Công ty Jupiter		Vpbank	
	Nợ gốc	Nợ lãi	Nợ gốc	Nợ lãi
10279646 LD2427401805	1,276,396,606	214,190,769	67,178,769	11,273,198
Tổng Cộng	**1,490,587,375**		**78,451,967**	

Do đó, đồng nguyên đơn gồm Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V và Công ty cổ phần MBN J yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

a) Yêu cầu Tòa án buộc ông Lưu Hoàng A phải thanh toán cho V và J toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 02/04/2026, cụ thể:

- Nợ gốc: **1,343,575,375 đồng**
- Lãi quá hạn: **225,463,967 đồng**
- **Tổng cộng 1,569,039,342 đồng *(Bằng chữ: một tỷ năm trăm sáu mươi chín triệu, không trăm ba mươi chín nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng).***

Cụ thể trong đó gồm: + Yêu cầu Tòa án buộc ông Lưu Hoàng A phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 02/04/2026, cụ thể:

- Nợ gốc: **67,178,769 đồng**
- Lãi quá hạn: **11,273,198 đồng**
- **Tổng cộng 78,451,967 đồng *(Bằng chữ: bảy mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi mốt nghìn, chín trăm sáu mươi bảy đồng).***

+ Yêu cầu Tòa án buộc ông Lưu Hoàng A phải thanh toán cho **J** toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; tính đến ngày 02/04/2026, cụ thể:

- Nợ gốc: **1,276,396,606 đồng**
- Lãi quá hạn: **214,190,769đồng**
- **Tổng cộng 1,490,587,375 đồng *(Bằng chữ: một tỷ bốn trăm chín mươi triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).***

b) Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày ông Lưu Hoàng A thực tế thanh toán hết nợ cho V/ J.

c) Yêu cầu Tòa án tuyên: Khi bản án/quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Lưu Hoàng A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, V/ J và có quyền xử lý tài sản hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản của ông Lưu Hoàng A để thu hồi nợ cho V/ J, tài sản cụ thể như sau: *Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 256, tờ bản đồ số 133, địa chỉ thửa đất:*

Tổ dân phố 4, Phường Bắc L, Thành Phố Đồng H, Tỉnh Quảng Bình ; Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ197296, Số vào sổ cấp GCN: CS15164 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/02/2022. thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lưu Hoàng A. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

d) Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông Lưu Hoàng A vẫn phải tiếp tục trả nợ cho V/ J cho đến khi các khoản nợ được tất toán. V và J có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại các tài sản khác của ông Lưu Hoàng A để trả nợ.

e) Ông Lưu Hoàng A phải chịu án phí và các chi phí liên quan (nếu có)

***Ý kiến của bị đơn ông Lưu Hoàng A tại bản tự khai, tại phiên hòa giải:** Ngày 26/9/2024 ông Lưu Hoàng A và V đã ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số 10279646 cụ thể số tiền cho vay 1.343.575.375 đồng, mục đích cho vay bổ sung vốn kinh doanh buôn bán cây cảnh. Lãi suất cho vay trong kỳ tại thời điểm giải ngân là 6,19%/năm. Tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 256 tờ bản đồ 133; địa chỉ: Tổ dân phố 4 Phường Bắc L - Đồng H - Quảng Bình thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lưu Hoàng A. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng do hoàn cảnh làm ăn khó khăn thu nhập bấp bênh nên ông Lưu Hoàng A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc lãi cho V theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, khoản vay chuyển quá hạn từ ngày 05/4/2025. Hiện nay V và Công ty Jupiter làm đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông Lưu Hoàng A hoàn trả khoản nợ tạm tính đến 20/01/2026, tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi V là: 77,769,186 đồng, cụ thể: Nợ gốc: 67,178,769 đồng; Nợ lãi: 10,590, 417 đồng; ông Lưu Hoàng A phải thanh toán cho J toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 20/01/2026, tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi là: 1,477,614,525 đồng, cụ thể: Nợ gốc: 1,276,396,606 đồng; Nợ lãi: 201,217,919 đồng thì ông Lưu Hoàng A hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của V và J. Trong trường hợp ông Lưu Hoàng A không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì V và J có quyền xử lý tài sản bảo đảm yêu cầu thi hành án kê biên phát mại tài sản của ông Lưu Hoàng A để thu hồi nợ, cụ thể: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 256 tờ bản đồ 133 địa chỉ TDP 4 Bắc L - Đồng H - Quảng Bình. Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông Lưu Hoàng A sẽ tiếp tục trả nợ cho V và J cho đến khi khoản nợ thanh toán xong. V và J có quyền yêu cầu thi hành án kê biên phát mại tài sản khác của ông Lưu Hoàng A để trả nợ. Ông Lưu Hoàng A sẽ có nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng của vụ án theo quy định luật. Ông Lưu Hoàng A có ý kiến hiện do tình hình kinh tế khó khăn, vượt quá khả năng chi trả nên đề nghị được kéo dài thời gian để trả nợ.

- Tại đơn trình bày ngày 20/01/2026 có nội dung: Ông Lưu Hoàng A là bị đơn trong vụ án dân sự. Mặc dù tại hợp đồng tín dụng ký kết với V có mục đích sử dụng vốn để kinh doanh cây cảnh tuy nhiên ông Lưu Hoàng A không có giấy phép đăng ký kinh doanh.

*** Phần trình bày của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Trang S:**

Vợ chồng bà S và ông D đang sinh sống tại thửa đất số 256 tờ bản đồ số 133, địa chỉ: TDP 4, Bắc L, Đồng H, Quảng Bình. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với số DĐ197296, Số vào số cấp GCN: CS15164 do sở Tài nguyên và môi trường QB cấp 09/02/2022, thuộc quyền sử dụng của ông Lưu Hoàng A. Gia đình của bà S và ông D đang ở nhờ trên thửa đất này và nhà của ông Lưu Hoàng A. Do đó, bà S và ông D không có ý kiến hay yêu cầu độc lập gì đối với tài sản nêu trên. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản nhà đất nêu trên của ông Lưu Hoàng A thì bà S hoàn toàn nhất trí không có yêu cầu gì. Bà S cam kết giao tận tay ngay các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chồng bà là ông Trần Đình D. Bà S trình bày các ý kiến của bà cũng là ý kiến của chồng bà là ông Trần Đình D.

Tại phiên tòa, đại diện đồng Nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến như sau: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng pháp luật. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình D chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 280, 292, 317, 318, 323, 388, 398, 401,466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 100, 103, 210 Luật các tổ chức tín dụng 2024, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử: Buộc bị đơn ông Lưu Hoàng A phải thanh toán cho đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V và Công ty cổ phần MBN J toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 02/04/2026, cụ thể:

- Nợ gốc: **1,343,575,375 đồng**
- Lãi quá hạn: **225,463,967 đồng**
- **Tổng cộng 1,569,039,342 đồng *(Bằng chữ: một tỷ năm trăm sáu mươi chín triệu, không trăm ba mươi chín nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng).***

Cụ thể trong đó gồm: + buộc ông Lưu Hoàng A phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 02/04/2026, cụ thể:

- Nợ gốc: **67,178,769 đồng**
- Lãi quá hạn: **11,273,198 đồng**
- **Tổng cộng 78,451,967 đồng *(Bằng chữ: bảy mươi tám triệu, bốn trăm***

năm mươi mốt nghìn, chín trăm sáu mươi bảy đồng).

+ buộc ông Lưu Hoàng A phải thanh toán cho **J** toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; tính đến ngày 02/04/2026, cụ thể:

- Nợ gốc: **1,276,396,606 đồng**
- Lãi quá hạn: **214,190,769đồng**
- **Tổng cộng 1,490,587,375 đồng *(Bằng chữ: một tỷ bốn trăm chín mươi triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).***

Tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày ông Lưu Hoàng A thực tế thanh toán hết nợ cho V/ J.

Khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Lưu Hoàng A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, V/ J và có quyền xử lý tài sản hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản của ông Lưu Hoàng A để thu hồi nợ cho V/ J, tài sản cụ thể như sau: *Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 256, tờ bản đồ số 133, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 4, Phường Bắc L, Thành Phố Đồng H, Tỉnh Quảng Bình ; Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ197296, Số vào sổ cấp GCN: CS15164 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/02/2022. thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lưu Hoàng A. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.*

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông Lưu Hoàng A vẫn phải tiếp tục trả nợ cho V/ J cho đến khi các khoản nợ được tất toán. V và J có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại các tài sản khác của ông Lưu Hoàng A để trả nợ.

Án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch, chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ tranh chấp: Công ty J mua lại 95% khoản nợ của ông Lưu Hoàng A từ V. Hợp đồng tín dụng giữa V và ông Lưu Hoàng A là hợp đồng giữa pháp nhân và cá nhân không có đăng ký kinh doanh là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại tổ dân phố 7, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị, căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của TAND khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập làm việc, tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản đồng thời tiến hành phiên hòa giải nhưng các bên không đạt được sự thoả thuận. Do đó vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn ông Lưu Hoàng A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Trang S vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Trần Đình D vắng mặt lần hai không có lý do, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Trần Đình D; Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của đồng Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Lưu Hoàng A phải thanh toán cho đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V và Công ty cổ phần MBN J theo nội dung: buộc ông Lưu Hoàng A phải thanh toán cho V và J toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 02/04/2026, cụ thể: Nợ gốc: **1,343,575,375 đồng;** Lãi quá hạn: **225,463,967 đồng; Tổng cộng 1,569,039,342 đồng *(Bằng chữ: một tỷ năm trăm sáu mươi chín triệu, không trăm ba mươi chín nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng).*** Cụ thể trong đó gồm: buộc ông Lưu Hoàng A phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 02/04/2026, cụ thể: Nợ gốc: **67,178,769 đồng;** Lãi quá hạn: **11,273,198 đồng; Tổng cộng 78,451,967 đồng *(Bằng chữ: bảy mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi mốt nghìn, chín trăm sáu mươi bảy đồng);*** buộc ông Lưu Hoàng A phải thanh toán cho **J** toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; tính đến ngày 02/04/2026, cụ thể: Nợ gốc: **1,276,396,606 đồng;** Lãi quá hạn: **214,190,769đồng; Tổng cộng 1,490,587,375 đồng *(Bằng chữ: một tỷ bốn trăm chín mươi triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).*** Ông Lưu Hoàng A còn phải tiếp tục trả tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày **03/4/2026** cho đến ngày ông Lưu Hoàng A thực tế thanh toán hết nợ cho V/ J.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 28 tháng 07 năm 2025 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (V) và Công ty Cổ Phần MBN J đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ **33/2025/VPB-J** 28 tháng 07 năm 2025 và Phụ lục đính kèm. Trong đó Hợp đồng mua bán nợ Số **33/2025/VPB-J** mua một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo **Hợp đồng cho vay hạn mức số 10279646 ngày 26/09/2024;** Theo đó, V đồng ý bán và J đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là

ông Lưu Hoàng A, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Lưu Hoàng A đã ký kết với V, cụ thể là Hợp đồng cho vay hạn mức số 10279646 ngày 26/09/2024 đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng do tổ chức hoạt động tín dụng và người có năng lực hành vi dân sự ký kết; về hình thức, nội dung tuân theo các quy định tại Điều 385, 386, 388, 398, 399, 400, 401, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật tổ chức tín dụng. Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được hai bên thực hiện, bị đơn ông Lưu Hoàng A đã nhận được số tiền vay vốn do phía Ngân hàng giải ngân. Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Lưu Hoàng A vi phạm nghĩa vụ trả nợ với V theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên nên các khoản vay đã chuyển quá hạn từ ngày **05/04/2025.** V và J đã nhiều lần gọi điện, gửi thông báo đôn đốc nhưng ông Lưu Hoàng A vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho V và J. Tính đến ngày 02/04/2026, ông Lưu Hoàng A còn nợ V và J cụ thể: Nợ gốc: 1,343,575,375 đồng; Lãi quá hạn: 225,463,967 đồng; Tổng cộng 1,569,039,342 đồng *(Bằng chữ: một tỷ năm trăm sáu mươi chín triệu, không trăm ba mươi chín nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng).* Cụ thể trong đó gồm: ông Lưu Hoàng A phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 02/04/2026, cụ thể: Nợ gốc: 67,178,769 đồng; Lãi quá hạn: 11,273,198 đồng; Tổng cộng 78,451,967 đồng *(Bằng chữ: bảy mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi mốt nghìn, chín trăm sáu mươi bảy đồng);* ông Lưu Hoàng A phải thanh toán cho J toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; tính đến ngày 02/04/2026, cụ thể: Nợ gốc: 1,276,396,606 đồng; Lãi quá hạn: 214,190,769 đồng; Tổng cộng 1,490,587,375 đồng *(Bằng chữ: một tỷ bốn trăm chín mươi triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).*

Nay Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Lưu Hoàng A phải thanh toán cho đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V và Công ty cổ phần MBN J toàn bộ số nợ gốc, lãi tính đến ngày 02/04/2026 theo hợp đồng tín dụng nêu trên và yêu cầu ông Lưu Hoàng A còn phải tiếp tục trả tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày **03/4/2026** cho đến ngày ông Lưu Hoàng A thực tế thanh toán hết nợ cho V/ J là có căn cứ.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng nêu trên cùng sự thừa nhận của đương sự có đủ cơ sở buộc ông Lưu Hoàng A có trách nhiệm phải trả số nợ gốc, lãi quá hạn cho đồng nguyên đơn và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày ông Lưu Hoàng A trả nợ xong là phù hợp quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ, ông Lưu Hoàng A đã thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 256, tờ bản đồ số 133, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 4, Phường Bắc L, Thành Phố Đồng H, Tỉnh Quảng Bình ; Theo Giấy

chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ197296, Số vào số cấp GCN: CS15164 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/02/2022 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lưu Hoàng A theo Hợp đồng thế chấp số LN2302018238836/HĐTC ký ngày 02/02/2023 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh X và Phụ lục Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐ (Sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số LN2302018238836/HĐTC ký ngày 02/02/2023) ngày 27/12/2023. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Bị đơn ông Lưu Hoàng A trong các phiên làm việc, hoà giải đều thừa nhận đã thế chấp tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên đúng như trình bày của đồng nguyên đơn, đồng thời cũng thống nhất trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì đồng nguyên đơn có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm trên để thu hồi nợ. Bị đơn cũng nhất trí với kết quả thẩm định xem xét tại chỗ tài sản nêu trên Hội đồng thẩm định lập ngày 11/12/2025.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Nguyễn Thị Trang S trong các phiên làm việc, hòa giải đều thừa nhận vợ chồng bà Sinh và ông D đang sinh sống tại thửa đất số 256 tờ bản đồ số 133, địa chỉ: TDP 4, Bắc L, Đồng Hới, Quảng Bình. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với số DĐ197296, Số vào số cấp GCN: CS15164 do sở Tài nguyên và môi trường QB cấp 09/02/2022, thuộc quyền sử dụng của ông Lưu Hoàng A. Gia đình của bà S và ông D đang ở nhờ trên thửa đất này và nhà của ông Lưu Hoàng A. Do đó, bà S và ông D không có ý kiến hay yêu cầu độc lập gì đối với tài sản nêu trên. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản nhà đất nêu trên của ông Lưu Hoàng A thì bà S hoàn toàn nhất trí không có yêu cầu gì.

Xét Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Do đó, đối với yêu cầu của Nguyên đơn khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Lưu Hoàng A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, V/ J và có quyền xử lý tài sản hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản của ông Lưu Hoàng A để thu hồi nợ cho V/ J, tài sản cụ thể như sau: *Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 256, tờ bản đồ số 133, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 4, Phường Bắc L, Thành Phố Đồng H, Tỉnh Quảng Bình ; Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ197296, Số vào số cấp GCN: CS15164 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/02/2022. thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lưu Hoàng A. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài*

sản đảm bảo cho khoản vay; Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông Lưu Hoàng A vẫn phải tiếp tục trả nợ cho V/ J cho đến khi các khoản nợ được tất toán. V và J có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại các tài sản khác của ông Lưu Hoàng A để trả nợ, là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí và chi phí thẩm định:

Căn cứ Điều 147, 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lưu Hoàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là **59.071.180 đồng** để sung quỹ nhà nước.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V và Công ty cổ phần MBN J không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền tạm ứng án phí **1.814.406 đồng** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001328, ký hiệu: BLTU/25E ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần MBN J số tiền tạm ứng án phí **26.684.232 đồng** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001327, ký hiệu: BLTU/25E ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Về chi phí thẩm định tại chỗ: Cần buộc bị đơn ông Lưu Hoàng A hoàn trả lại số tiền là 3.600.000 đồng mà Công ty cổ phần MBN J đã nộp tạm ứng chi phí.

[4] Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 280, 292, 317, 318, 323, 388, 398, 401,466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 100, 103, 210 Luật các tổ chức tín dụng 2024;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V và Công ty cổ phần MBN J:

Buộc bị đơn ông Lưu Hoàng A phải thanh toán cho đồng nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V và Công ty cổ phần MBN J toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo **Hợp đồng cho vay hạn mức số 10279646 ngày 26/09/2024** tính đến ngày 02/04/2026, cụ thể:

- Nợ gốc: **1,343,575,375 đồng**
- Lãi quá hạn: **225,463,967 đồng**
- **Tổng cộng 1,569,039,342 đồng *(Bằng chữ: một tỷ năm trăm sáu mươi chín triệu, không trăm ba mươi chín nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng).***

Trong đó gồm: + Buộc ông Lưu Hoàng A phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 02/04/2026, cụ thể:

- Nợ gốc: **67,178,769 đồng**
- Lãi quá hạn: **11,273,198 đồng**
- **Tổng cộng 78,451,967 đồng *(Bằng chữ: bảy mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi mốt nghìn, chín trăm sáu mươi bảy đồng).***

+ Buộc ông Lưu Hoàng A phải thanh toán cho **J** toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; tính đến ngày 02/04/2026, cụ thể:

- Nợ gốc: **1,276,396,606 đồng**
- Lãi quá hạn: **214,190,769đồng**
- **Tổng cộng 1,490,587,375 đồng *(Bằng chữ: một tỷ bốn trăm chín mươi triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).***

- Ông Lưu Hoàng A còn phải tiếp tục trả tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày **03/4/2026** cho đến ngày ông Lưu Hoàng A thực tế thanh toán hết nợ cho V/ J.

- Khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Lưu Hoàng A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, V/ J và có quyền xử lý tài sản hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản của ông Lưu Hoàng A để thu hồi nợ cho V/ J, tài sản cụ thể như sau: *Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 256, tờ bản đồ số 133, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 4, Phường Bắc L, Thành Phố Đồng H, Tỉnh Quảng Bình; Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ197296, Số vào sổ cấp GCN: CS15164 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/02/2022. thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lưu Hoàng A. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay,* theo Hợp đồng thế chấp số LN2302018238836/HĐTC ký ngày 02/02/2023 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh X và Phụ lục Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐ (Sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số LN2302018238836/HĐTC ký ngày 02/02/2023) ngày 27/12/2023.

- Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông Lưu Hoàng A vẫn phải tiếp tục trả nợ cho V/ J cho đến khi các khoản nợ được tất toán. V và J có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại các tài sản khác của ông Lưu Hoàng A để trả nợ.

2. Án phí và chi phí thẩm định xem xét tại chỗ:

2.1 Bị đơn ông Lưu Hoàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là **59.071.180 đồng** để sung quỹ nhà nước.

2.2 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V và Công ty cổ phần MBN J không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền tạm ứng án phí **1.814.406 đồng** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001328, ký hiệu: BLTU/25E ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần MBN J số tiền tạm ứng án phí **26.684.232 đồng** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001327, ký hiệu: BLTU/25E ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

2.3 Về chi phí thẩm định tại chỗ: buộc bị đơn ông Lưu Hoàng A hoàn trả lại số tiền là 3.600.000 đồng cho Công ty cổ phần MBN J.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/4/2026). Đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 1;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa